

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 - giai đoạn 1 tại ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 528/TP-PLDA ngày 13 tháng 5 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 112/TTr-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương (sau đây gọi là chủ dự án; địa chỉ: đường Tôn Đức Thắng, khu phố 2, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 - giai đoạn 1 tại ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Cụm công nghiệp Tân Tiến 1 - giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3702457025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25 tháng 4 năm 2016, đăng ký thay đổi lần

thứ 6 ngày 11 tháng 4 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702457025.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 553.411,7 m².

- Công suất của hệ thống xử lý giai đoạn 1: 905 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày ~~22~~ tháng ~~5~~ năm 2024 đến ngày ~~22~~ tháng ~~5~~ năm 2034).

Điều 4.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Như Điều 4;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương;
- Lưu: VT_(BH-12-GPMT-17/5).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 31../GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp.

Nguồn số 01, 02, 03 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nhánh suối của suối Rạt.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nhánh suối của suối Rạt tại ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1.262.308,898$, $Y = 567.884,690$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, có sản công tác thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất giai đoạn 1: $905 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy ra mương quan trắc, sau đó thoát theo đường ống HDPE D400 chiều dài khoảng 200 m (gồm 02 đoạn: một đoạn đi xuyên qua hồ điều hòa trong phần đất của dự án, chiều dài khoảng 43 m, một đoạn nằm ngoài hàng rào phạm vi đất của dự án, chiều dài khoảng 157 m) đến nhánh suối của suối Rạt theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_r = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số: lưu lượng vào và ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni.
2	Màu	Pt/Co	50		
3	pH	-	6 đến 9		
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	27		
5	COD	mg/l	67,5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
7	Asen	mg/l	0,045		
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
9	Chì	mg/l	0,09		
10	Cadimi	mg/l	0,045		
11	Crom (VI)	mg/l	0,045		
12	Crom (III)	mg/l	0,18		
13	Đồng	mg/l	1,8		
14	Kẽm	mg/l	2,7		
15	Niken	mg/l	0,18		
16	Mangan	mg/l	0,45		
17	Sắt	mg/l	0,9		
18	Tổng xianua	mg/l	0,063		
19	Tổng phenol	mg/l	0,09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
21	Sunfua	mg/l	0,18		
22	Florua	mg/l	4,5		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	1 lần/năm	
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027		
31	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	3000	03 tháng/lần	
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 07 m³), kết cấu: bê tông cốt thép chống thấm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bồn tự hoại (dung tích 2000 lít), kết cấu: composite, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE.

- Nguồn số 3: Nước thải từ các nhà máy thứ cấp phải được thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nhà máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (trừ chỉ tiêu coliform) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.

Trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất và có lưu lượng nước thải nhỏ hơn 50 m³/ngày thì các doanh nghiệp phải thực hiện xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 5 ngăn trước khi đầu nối; trường hợp dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp không phát sinh nước thải sản xuất, có lưu lượng nước thải ≥ 50 m³/ngày hoặc có phát sinh nước thải sản xuất phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải đầu vào → Trạm bơm/hồ thu (lưới chắn rác) → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể trung hòa/bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung gian 1 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể trung gian 2 → Bể lắng 2 → Bể hạ pH → Bể phản ứng fenton → Bể oxy hóa → Bể trung hòa → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

Đối với cụm hóa lý bậc cao fenton (gồm các bể: bể hạ pH, bể phản ứng fenton, bể oxy hóa, bể trung hòa, bể tạo bông, bể lắng hóa lý 2) chỉ hoạt động khi nước thải tới mương quan trắc không đảm bảo các chỉ tiêu theo quy định, nước thải được bơm về hồ sự cố và bơm ngược về hồ điều hòa để xử lý lại.

- Công suất thiết kế hệ thống: 905 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: H₂SO₄, NaOH, mật rỉ đường, poly aluminium chloride, polymer anion, chloride B (hoặc các hóa chất tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: 01 vị trí tại mương quan trắc.
- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: Phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.1.4. Công trình ứng phó sự cố: Xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố dung tích khoảng 2.814 m³, đáy hồ và thành hồ được lót HDPE, xây đá hộc xung quanh.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật đáp ứng về chuyên môn, vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống, tránh tình trạng tắc nghẽn. Trường hợp nước thải đầu ra không đáp ứng quy định hoặc hệ thống gặp sự cố, nước thải được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa, sau khi khắc phục, hệ thống hoạt động ổn định, chủ dự án bơm nước thải từ hồ sự cố về hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1, công suất thiết kế 905 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1.
- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có

trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo các thông số quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với chủ dự án:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.6. Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, dự án được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

3.8. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *31*./GPMT-UBND
 ngày *22* tháng *5* năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: máy bơm, máy nén khí tại trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.262.472,158, Y = 567.933,445 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ

mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 31../GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 04	Lỏng	Kg/ngày	1,0
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	Kg/ngày	1,0
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	Kg/ngày	1,0
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	18 01 04	Rắn	Kg/ngày	2,0
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	Bùn	Kg/ngày	390
6	Mực in thải chứa thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,3
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg/ngày	0,2
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg/ngày	0,2
Tổng					395,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	20
2	Các dây cáp điện hỏng, sứ cách điện cũ, rơ lê hỏng	19 02 07	4
Tổng			24

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Khu vực phát sinh	Số lượng (kg/ngày)
1	Chất thải sinh hoạt	24
Tổng		24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 30 - 120 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: Đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật 01 của Cụm công nghiệp.

- Diện tích kho: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có nắp đậy và dán mã số chất thải nguy hại,... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Riêng đối với bùn thải: Bùn thải sau khi qua máy ép bùn được lưu chứa tại nhà đặt máy ép bùn, diện tích 56 m²; kết cấu: tường bao quanh, mái lợp tôn, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 30 - 120 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa: Đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật 01 của Cụm công nghiệp.

- Diện tích kho: 4m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 20 lít và 120 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 31./GPMT-UBND
ngày 22 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn sau của dự án (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020) mà chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

1. Quy mô dự án: Dự án tiếp tục hoạt động cho thuê đất trong Cụm công nghiệp để hoạt động sản xuất công nghiệp đa ngành, đa nghề trong khu đất có diện tích khoảng 553.411,7 m² thuộc địa bàn xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

2. Công nghệ của dự án: Vận hành, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật.

3. Các hạng mục công trình sẽ lắp đặt, thi công xây dựng trong giai đoạn 2:

- Khi lượng nước thải giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1, chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 2 công suất 905 m³/ngày đêm. Tổng công suất hệ thống xử lý nước thải là 1.810 m³/ngày đêm.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Trạm bơm/hồ thu (lưới chắn rác) → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể trung hòa/bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung gian 1 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể trung gian 2 → Bể lắng 2 → Bể hạ pH → Bể phản ứng fenton → Bể oxy hóa → Bể trung hòa → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

Các hạng mục được dùng chung cho 02 giai đoạn của trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp: Hồ thu, bể lắng cát, bể điều hòa, mương quan trắc, bể chứa bùn hóa lý, bể chứa bùn sinh học, nhà ép bùn.

- Xây dựng, cải tạo hồ sự cố nâng tổng dung tích hồ sự cố lên 6.446,5 m³.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn 2:

4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, xử lý nước thải; công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác; công

trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường... đã hoàn thành ở giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng ở giai đoạn 2.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi kết nối vào nguồn tiếp nhận.

- Thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan.

5. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2 của dự án, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về môi trường cho giai đoạn 2 của dự án theo đúng quy định pháp luật.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Chủ dự án phải đảm bảo nước thải sau xử lý không được xả trực tiếp vào hồ điều hòa trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

8. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án

chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

9. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

10. Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

11. Trường hợp dự án có hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu thông thường thì chủ dự án phải thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật Khoáng sản.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.